TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 39/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 26 -12 - 2017.
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Văn Dũng

Bà: Trần Thị Ngọc Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông: Chau Chanh Đô Ra

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trình Thị T**,** sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 6, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn U, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 6, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn ly hôn ngày 08-4-2017 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trình Thị T trình bày: Bà và ông Đoàn Văn U tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 đến năm 2002 Đ ký kết hôn, quá trình chung sống bà và ông U có với nhau 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999, ông, bà hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu Tẩn bắt đầu từ năm 2015 đến nay nguyên nhân bà T cho rằng: Ông U không chăm lo cuộc sống gia đình, không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng vợ con và ông U còn có hành vi bạo lực đánh đập bà Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

thể tiếp tục bà T yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Văn U.

Về con chung: 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999, hiện đang sống cùng bà, theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 08-6-2017 bị đơn ông Đoàn Văn U trình bày: Ông và bà tự nguyện sống chung vào năm 1996, có Đ ký kết hôn vào năm 2002, quá trình chung sống vợ chồng ông, bà có với nhau 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999, quá trình chung sống ông, bà không mâu Tẩn gì, ông không đánh đập chửi mắng, xúc phạm bà T, vì vậy bà T xin ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999, hiện đang sống cùng bà T, theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng cháu Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ muốn sống chung với mẹ là bà Trình Thị T, sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trình Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Văn U; về con chung: Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; tài sản chung: tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo lời khai của ông Đoàn Văn U: Ông U cho rằng giữa ông và bà T không xảy ra mâu thuẩn gì nên ông không đồng ý ly hôn; về con chung: Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử (trể 01 tháng 24 ngày) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: ngày 17/12/2002 ông U và bà T có Đ ký kết hôn tại UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu Tẩn do ông U thường xuyên nhậu nhẹt, đánh vợ và đã ly thân khoảng 1 năm nay. Căn cứ biên bản xác minh ngày 12/7/2017 do ông Nguyễn Quốc Thời – Trưởng ấp G, xã L cho biết: Cuộc sống hôn nhân giữa ông U và bà T thường xuyên xảy ra mâu Tẩn do ông U thường ngày ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình và có hành vi bạo lực, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên bà T xin ly hôn với ông U là có căn cứ.

Về con chung: giao 02 đứa con Đoàn Bích N, sinh ngày 15/9/1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21/10/1999 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông U không cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn U cư trú tại ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ông Đoàn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm, ông U có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Đoàn Văn U.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trình Thị T và ông Đoàn Văn U được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới và Đ ký kết hôn năm 2002 theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông U có với nhau 02 con chung tên Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ, hiện đang sống cùng bà T, tuy nhiên bà T cho rằng ông U không chăm lo cuộc sống gia đình, không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và ông U còn có hành vi bạo lực đánh đập bà, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông U không

thể tiếp tục, bà xin ly hôn với ông U. Ông U không đồng ý ly hôn với bà T, ông cho rằng mâu Tẩn giữa ông và bà T không có mâu Tẩn gì.

Theo biên bản xác minh ngày 12-7-2017 tại ban ấp Gt, xã L ông Nguyễn Quốc Thời – Trưởng ấp cho biết: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Trình Thị T và ông Đoàn Văn U thường xuyên xảy ra mâu Tẩn do ông U thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm chăm sóc gia đình, có hành vi bạo lực với gia đình, ông U và bà T có 02 con chung tên Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ hiện nay do bà T lo cho ăn học. Tại phiên tòa bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông U không hạnh phúc, đã ly thân thân từ năm 2015 đến nay, trong cuộc sống ông U không chăm lo quan tâm chăm sóc gia đình, con cái, hàng ngày nhậu nhẹt đánh đập bà, làm tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình và ông U không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông U rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn U.

[4] Về con chung: 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999, hiện đang sống cùng bà T, theo nguyện vọng của hai cháu N và Đ muốn sống cùng mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N và cháu Đ hiện nay đang sống cùng bà T, mặc dù các cháu đã thành niên, nhưng vẫn đang còn đi học và do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy lo cho các cháu học hành và nguyện vọng của 02 cháu muốn sống cùng bà, bên cạnh đó ông U cũng không có ý kiến về con chung, do vậy nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện của các cháu Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Đoàn Bích N và Đoàn Hải Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông U không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: bà Trình Thị T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức T miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trình Thị T về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Đoàn Văn U.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trình Thị T và ông Đoàn Văn U.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Đoàn Bích N, sinh ngày 15-9-1996 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 21-10-1999 cho bà Trình Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đoàn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trình Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai T số 0011919 ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Nữ Ngọc Lan